TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/5/2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Hoàng Lan Chi**
Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Xuân Phương**
Bà Nguyễn Thị Huyền Nga

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Lài** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: **Ông Trần Hoàng Đức** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 595/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc: Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2023; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Chị Ngô Thị Thu Th** – Sinh năm: 199X

Địa chỉ thường trú: Số X ngõ Y phố K, tổ Z, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Hiện cư trú tại: Nhà D Khu đô thị P - thuộc Khu A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. *(Chị Th có mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Quang H – Luật sư Công ty Luật TNHH C *(Ông H có mặt)*

* *Bị đơn*: **Anh Dương Ngọc T** – Sinh năm: 199X

Địa chỉ thường trú và cư trú: Số X ngõ Y phố K, tổ Z, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. *(Anh T có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn ngày 17/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Chị Ngô Thị Thu Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Dương Ngọc T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/10/2018 tại UBND xã L, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn chưa ai có vợ có chồng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại Khu đô thị P - thuộc Khu A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh đến tháng 6/2022. Hiện tại chị đang sinh sống tại Bắc Ninh còn anh T đang sinh sống tại Hà Nội. Quá trình chung sống đến năm 2020 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không phù hợp, quan điểm sống, cách sống khác nhau, không có sự tin tưởng đối với nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Ngoài ra, giữa anh T và gia đình chị cũng có mâu thuẫn, không thể khắc phục được, anh T không có sự tôn trọng đối với chị và bố mẹ chị, có những hành động, lời nói, nhắn tin không đúng mức đối với bố chị. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm căng thẳng. Anh chị đã sống ly thân mỗi người ở một nơi từ tháng 06/2022 đến nay. Hiện nay, chị và con đang ở nhà chị tại Bắc Ninh, còn anh T thì ở Hà Nội, vợ chồng không có sự quan tâm đến nhau nữa. Trước khi nộp đơn ly hôn, chị đã gặp anh T để nói chuyện về việc ly hôn, anh T cũng có đến tìm chị để nói chuyện, anh T đưa bố mẹ về nói chuyện với bố mẹ chị nhưng tất cả các biện pháp đều không có kết quả, mâu thuẫn giữa anh chị vẫn không thể khắc phục được mà ngày càng căng thẳng hơn. Từ khi chị nộp đơn ly hôn, Tòa án đã tiến hành nhiều buổi hòa giải nhưng tình trạng hôn nhân của anh chị vẫn như vậy, vẫn sống ly thân mỗi người ở một nơi từ tháng 06/2022 đến nay, vợ chồng không có sự quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, chị không thể cố gắng để tiếp tục chung sống với anh T được nữa vì cuộc sống chung không có hạnh phúc, vì vậy chị giữ nguyện vọng xin được ly hôn với anh T để cả hai bên được ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên là Dương Minh T, sinh ngày 12/09/2019. Hiện nay sức khỏe cháu bình thường, cháu đang ở cùng chị Th tại tỉnh Bắc Ninh. Khi ly hôn, chị Th có nguyện vọng xin được trực tiếp được nuôi dưỡng con chung vì hiện nay cháu còn rất nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Hiện tại chị Th là trưởng phòng nhân sự tại Trường quốc tế HB. Tổng mức thu nhập khoảng 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng/tháng.

Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị Th và anh T tự thỏa thuận, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị Th và anh T tự thỏa thuận, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại Bản tự khai ngày 04/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – Anh Dương Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Ngô Thị Thu Th kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/10/2018 tại UBND xã L, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi

kết hôn chưa ai có vợ có chồng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Hiện nay anh đang cư trú tại Hà Nội còn chị Th vẫn cư trú tại tỉnh Bắc Ninh. Anh T xác định quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ do không hiểu nhau trong cuộc sống hàng ngày. Anh T xác định anh cũng có những khuyết điểm, anh đã cố gắng rất nhiều để sửa chữa những khuyết điểm của mình nhưng chị Th và gia đình chị Th vẫn không chấp nhận, vì vậy ảnh hưởng nhiều đến tình cảm cũng như cuộc sống của vợ chồng. Sau khi chị Th nộp đơn xin ly hôn ra Tòa án, anh đã đưa bố mẹ anh về nói chuyện với bố mẹ chị Th nhưng vẫn không có kết quả gì tốt đẹp hơn. Từ tháng 05/2022, anh về Hà Nội để mổ do bị bệnh ung thư tuyến giáp, tháng 6 anh phải xạ trị, từ tháng 7 anh điều trị sử dụng thuốc theo chỉ định của bác sĩ. Vì vậy, anh ở Hà Nội từ đó cho đến nay còn chị Th vẫn ở Bắc Ninh. Từ sau các buổi hòa giải tại Tòa án, anh đã về nói chuyện với chị Th nhưng chị Th vẫn giữ quan điểm của mình. Hiện tại tình trạng sức khỏe của anh đã ổn định hơn. Anh T không đồng ý ly hôn vì anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Th, anh mong chị Th rút đơn ly hôn để vợ chồng được đoàn tụ với nhau, giữ gia đình cho con.

Về con chung: Anh và chị Th có 01 con chung tên là Dương Minh T, sinh ngày 12/09/2019. Hiện nay, sức khỏe cháu bình thường, cháu đang ở cùng chị Th. Trường hợp phải ly hôn, chị Th có nguyện vọng xin được nuôi con, anh đồng ý vì con còn nhỏ. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh chị tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại anh T là kỹ sư công nghệ thông tin của Ngân hàng V. Tổng thu nhập khoảng 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng/tháng.

Về tài sản chung và nhà ở chung: Anh chị tự thỏa thuận, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh chị tự thỏa thuận, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

***<u>Tại phiên tòa</u>*:**

- Chị Th vẫn giữ nguyện vọng xin ly hôn. Chị Th xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không cùng quan điểm sống, cách sống khác nhau, không có sự tin tưởng đối với nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã lâu và ngày càng trầm trọng căng thẳng hơn không thể khắc phục được, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người ở một nơi từ tháng 06/2022 đến nay, không có sự quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy chị Th giữ nguyện vọng xin ly hôn với anh T để cả hai bên được ổn định cuộc sống. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, công nợ, chị Th vẫn giữ nguyện vọng như đã trình bày. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Anh T trình bày: Anh vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại bản tự khai, các biên bản hòa giải tại Tòa án. Anh xác định quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ do không hiểu nhau

trong cuộc sống hàng ngày. Anh T xác định anh cũng có những khuyết điểm, anh đã cố gắng rất nhiều để sửa chữa những khuyết điểm của mình nhưng chị Th và gia đình chị Th vẫn không chấp nhận, vì vậy ảnh hưởng nhiều đến tình cảm cũng như cuộc sống của vợ chồng. Anh đã nói chuyện với chị Th, đã đưa bố mẹ anh về nói chuyện với bố mẹ chị Th nhưng chị Th vẫn giữ quan điểm của mình. Từ tháng 05/2022, anh về Hà Nội ở do phải điều trị bệnh về tuyến giáp. Hiện tại tình trạng sức khỏe của anh đã ổn định hơn. Anh T không đồng ý ly hôn vì anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Th, anh mong chị Th rút đơn ly hôn để vợ chồng được đoàn tụ với nhau, giữ gia đình cho con. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, công nợ, anh T vẫn giữ các ý kiến như đã trình bày. Ngoài ra anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – Luật sư Trần Quang H phát biểu ý kiến: Tại Đơn xin ly hôn, các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Ngô Thị Thu Th đều xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Dương Ngọc T, anh chị đã không chung sống cùng nhau từ tháng 6/2022, vợ chồng không có sự quan tâm đến nhau nữa, như vậy có thể xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, căng thẳng không thể giải quyết được, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Thu Th đối với anh Dương Ngọc T. Về con chung, giao con chung cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét. Về tài sản chung, nhà ở chung, về công nợ, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xét.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, tuy nhiên chưa đảm bảo thời hạn xét xử theo quy định vì Tòa án tiến hành nhiều buổi hòa giải nên kéo dài thời gian tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Thu Th đối với anh Dương Ngọc T. Về con chung, giao con chung cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh T kể từ tháng 5/2023 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, nhà ở chung, về công nợ, các đương sự không yêu

cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí, chị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn – anh Dương Ngọc T có địa chỉ thường trú và cư trú tại Số X ngõ Y phố K, tổ Z, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. *Về hôn nhân:*

Chị Ngô Thị Thu Th và anh Dương Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/10/2018 tại Uỷ ban nhân dân xã L, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của chị Th và anh T:

Chị Th xác định: Quá trình chung sống đến năm 2020 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không phù hợp, quan điểm sống, cách sống khác nhau, không có sự tin tưởng đối với nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Ngoài ra, giữa anh T và gia đình chị cũng có mâu thuẫn, vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm căng thẳng. Chị Th xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã lâu và ngày càng trầm trọng căng thẳng hơn không thể khắc phục được, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người ở một nơi từ tháng 06/2022 đến nay, không có sự quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy chị Th kiên quyết giữ nguyện vọng xin ly hôn với anh T để cả hai bên được ổn định cuộc sống.

Anh T xác định: Quá trình chung sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ do không hiểu nhau trong cuộc sống hàng ngày. Anh T xác định anh cũng có những khuyết điểm, anh đã cố gắng rất nhiều để sửa chữa những khuyết điểm của mình nhưng chị Th và gia đình chị Th vẫn không chấp nhận, vì vậy ảnh hưởng nhiều đến tình cảm cũng như cuộc sống của vợ chồng anh. Anh đã nói chuyện với chị Th, đã đưa bố mẹ anh về nói chuyện với bố mẹ chị Th nhưng chị Th vẫn giữ quan điểm của mình. Từ tháng 05/2022, anh về Hà Nội ở do phải điều trị bệnh về tuyến giáp. Hiện tại tình trạng sức khỏe của anh đã ổn định hơn. Anh T không đồng ý ly hôn vì anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Th, anh mong chị Th rút đơn ly hôn để vợ chồng được đoàn tụ với nhau, giữ gia đình cho con. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ và tài liệu Toà án thu thập thể hiện:

Trong quá trình anh T chị Th chung sống tại tỉnh B, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không có sự tin tưởng đối với nhau, bất đồng quan

điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện nay chị Th và con sinh sống cùng gia đình chị Th tại Bắc Ninh còn anh T sinh sống tại Hà Nội. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người ở một nơi từ tháng 06/2022 đến nay, không có sự quan tâm đến nhau nữa.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, anh T đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ, Tòa án đã tiến hành hòa giải rất nhiều lần và tạo điều kiện về thời gian để vợ chồng tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả, vợ chồng vẫn không tìm được biện pháp tích cực nào để cải thiện tình cảm vợ chồng, để khắc phục những mâu thuẫn đã xảy ra.

Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị Th và anh T có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tình trạng vợ chồng không chung sống cùng nhau, mỗi người ở một nơi, đã ly thân từ tháng 06/2022 đến nay, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, tình trạng hôn nhân của chị Th và anh T là căng thẳng, mâu thuẫn đã trầm trọng không giải quyết khắc phục được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. *Về con chung:*

Chị Th và anh T có 01 con chung tên là Dương Minh T, sinh ngày 12/09/2019. Hiện nay sức khỏe cháu bình thường, cháu đang ở cùng chị Th tại Khu đô thị P, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Khi ly hôn, chị Th có nguyện vọng xin được trực tiếp được nuôi dưỡng con chung vì hiện nay cháu còn rất nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Hiện tại chị Th là trưởng phòng nhân sự tại Trường quốc tế HB. Tổng mức thu nhập khoảng 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng/tháng.

Anh T có ý kiến: Trường hợp phải ly hôn, chị Th có nguyện vọng xin được nuôi con, anh đồng ý vì con còn nhỏ. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh chị tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại anh T là kỹ sư công nghệ thông tin của Ngân hàng V. Tổng thu nhập khoảng 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng/tháng.

Xét, việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng khi ly hôn cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, anh T cũng đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử giao con chung là Dương Minh T cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con chung đối với anh T kể từ tháng 5/2023 đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

2.3. *Về tài sản chung, nhà ở chung:* Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. *Về công nợ*: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra chị Th, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.5. *Về án phí và quyền kháng cáo:*

Chị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị Th, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, 71, 72; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 220; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 khoản 1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Ngô Thị Thu Th đối với anh Dương Ngọc T. Chị Th được ly hôn anh T.

2. *Về con chung:* Chị Th và anh T có 01 con chung tên là Dương Minh T, sinh ngày 12/09/2019.

Giao con chung là Dương Minh T cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 05 năm 2023 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T kể từ tháng 05 năm 2023 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, nhà ở chung:* Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về công nợ*: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí:* Chị Ngô Thị Thu Th phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0012888 ngày 28/10/2022 của Cơ quan Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Ngô Thị Thu Th và anh Dương Ngọc T. Chị Th, anh T có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;
- UBND xã L, thành phố B, tỉnh B;
(Giấy chứng nhận kết hôn số 85/2018 ngày 26/10/2018)
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Lan Chi